

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu chi quý 1 ngân sách nhà nước năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG HỌC CƠ SỞ PHAN ĐÌNH PHÙNG

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/ 12/ 2016 của Chính phủ quy định chi tiêu thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 61/2017/TT-BTC hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-PGDĐT ngày 12/2/2025 của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cư Jút về việc bổ sung kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024, 2025 theo nghị định 73/2024/NĐ- CP ngày 30/6/2024 của chính phủ cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục;

Theo đề nghị của bộ phận tài chính – kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu thu chi dự toán ngân sách nhà nước quý 1 năm 2025 của trường THCS Phan Đình Phùng còn lại là **11.780.693.529** đồng (Mười một tỷ bảy trăm tám mươi triệu sáu trăm chín mươi ba ngàn năm trăm hai mươi chín đồng) (Có biểu đính kèm).

Công bố công khai số liệu thu chi từ nguồn học phí quý 1 năm 2025 của trường THCS Phan Đình Phùng còn lại là **180.072.500đ** (Một trăm tám mươi triệu không trăm bảy mươi hai ngàn năm trăm đồng)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính và các bộ phận có liên quan thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VP.KT.

HIỆU TRƯỞNG



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 1 NĂM 2025

Kèm theo Quyết định số 5 / QĐ-PP. ngày 25 / 4... / 2025 của Trường THCS Phan Đình Phùng)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5 = 4 - 3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Thu SXKD, dịch vụ				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Chi SXKD, dịch vụ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	3.939.806.471	3.939.806.471		
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.939.806.471	3.939.806.471		
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3.939.806.471	3.939.806.471		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	143.060.000	143.060.000		
	- Mục: 6900 Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	5.000.000	5.000.000		
	6912: Các thiết bị công nghệ thông tin	5.000.000	5.000.000		
	- Mục: 6200 Tiền thưởng	138.060.000	138.060.000		
	6201: Thưởng thường xuyên	138.060.000	138.060.000		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.796.746.471	3.796.746.471		
	- Mục: 6300 Các khoản đóng góp	542.694.440	542.694.440		

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
	6301: Bảo hiểm xã hội	393.037.003	393.037.003		
	6302: Bảo hiểm y tế	69.337.653	69.337.653		
	6303: Kinh phí công đoàn	45.673.441	45.673.441		
	6304: Bảo hiểm thất nghiệp	23.112.551	23.112.551		
	6349: Các khoản đóng góp khác	11.533.792	11.533.792		
	- Mục: 6000 Tiền lương	1.860.281.178	1.860.281.178		
	6001: Lương theo ngạch, bậc	1.860.281.178	1.860.281.178		
	- Mục: 6050 Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	15.022.800	15.022.800		
	6051: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	15.022.800	15.022.800		
	- Mục: 6100 Phụ cấp lương	1.211.163.168	1.211.163.168		
	6101: Phụ cấp chức vụ	18.652.140	18.652.140		
	6102: Phụ cấp khu vực	162.864.000	162.864.000		
	6107: Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	1.404.000	1.404.000		
	6112: Phụ cấp ưu đãi nghề	630.039.827	630.039.827		
	6113: Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	2.808.000	2.808.000		
	6115: Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	395.395.201	395.395.201		
	- Mục: 6900 Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	22.670.000	22.670.000		
	6912: Các thiết bị công nghệ thông tin	22.670.000	22.670.000		
	- Mục: 6200 Tiền thưởng	2.340.000	2.340.000		
	6201: Thưởng thường xuyên	2.340.000	2.340.000		
	- Mục: 6600 Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	1.980.000	1.980.000		
	6605: Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	1.980.000	1.980.000		
	- Mục: 6500 Thanh toán dịch vụ công cộng	9.685.085	9.685.085		
	6501: Tiền điện	9.685.085	9.685.085		
	- Mục: 6550 Vật tư văn phòng	20.326.000	20.326.000		
	6551: Văn phòng phẩm	5.078.000	5.078.000		
	6599: Vật tư văn phòng khác	15.248.000	15.248.000		
	- Mục: 7000 Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	25.590.000	25.590.000		
	7001: Chi mua hàng hóa, vật tư	25.590.000	25.590.000		
	- Mục: 6250 Phúc lợi tập thể	7.020.000	7.020.000		
	6299: Chi khác	7.020.000	7.020.000		
	- Mục: 7750 Chi khác	13.471.000	13.471.000		

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
	7799: Chi các khoản khác	13.471.000	13.471.000		
	- Mục: 6400 Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	56.222.800	56.222.800		
	6449: Chi khác	56.222.800	56.222.800		
	- Mục: 6700 Công tác phí	8.280.000	8.280.000		
	6701: Tiền vé máy bay, tàu, xe	1.080.000	1.080.000		
	6702: Phụ cấp công tác phí	1.800.000	1.800.000		
	6703: Tiền thuê phòng ngủ	2.400.000	2.400.000		
	6704: Khoản công tác phí	3.000.000	3.000.000		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

....., ngày 25 tháng 4 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



*Nguyễn Thị Long

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TRÍCH BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG SƯ PHẠM

I/ THỜI GIAN : Cuộc họp khai mạc vào hồi 15 h ngày 25 tháng 4 năm 2025
Tại văn phòng Trường THCS Phan Đình Phùng

II/ THÀNH PHẦN THAM DỰ

- 1/ Chủ trì : Nguyễn Thị Long
- 2/ Thư kí : Huyền Tôn Nữ Bảo Oanh
- 3/ Cùng toàn thể CB – GV – CNV của nhà trường

III/ Nội dung cuộc họp hội đồng sư phạm

1. Đánh giá hoạt động dạy và học trong tuần vừa qua
2. Phổ biến công việc trong tuần tới
3. Thông qua cuộc họp đồng chí Trần Thị Huyền – kế toán nhà trường thông qua

- Công khai dự toán thu chi quý 1

1/ Dự toán thu chi ngân sách nhà nước quý 1

Stt	Nguồn	Dự toán giao đầu năm	Phát sinh	Số đã sử dụng	Dự toán còn lại
1	12	234.000.000		5.000.000	229.000.000
2	18	0	727.500.000	138.060.000	589.440.000
3	13	14.693.000.000		3.796.746.471	10.896.253.529
4	14	66.000.000		0	66.000.000
Cộng		14.993.000.000	727.500.000	3.939.806.471	11.780.693.529

2/ Nguồn thu học phí quý 1

Stt	Nguồn	Năm trước chuyển sang	Phát sinh	Số đã sử dụng	Dự toán còn lại
1		0	212.152.500	31.080.000	180.072.500
Cộng		0	212.152.500	31.080.000	180.072.500

IV/ Ý kiến

100% CB – GV – CNV đồng ý với công khai dự toán thu chi quý 1

Buổi họp kết thúc vào hồi 16h30 cùng ngày .

CHỦ TRÌ

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Long

Huyền Tôn Nữ Bảo Oanh